

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-3-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Thế Kỳ

2. Ông Lê Thế Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại hội trường xét xử TAND thị xã Nghi Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2023/TLST-HNGĐ ngày 08/02/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phạm Văn T - Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị N - Sinh năm: 1983

Địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

Tại phiên tòa có mặt anh T, vắng mặt chị N (Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về hôn nhân:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và bản tự khai, anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị N tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2002. Tuy nhiên anh chị đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn. Anh đã đề nghị UBND phường Hải Ninh xác nhận cho anh về tình trạng kết hôn giữa anh và chị N nhưng hiện nay tại UBND phường Hải Ninh không còn sổ lưu về việc đăng ký kết hôn giữa anh chị

nên anh không thể cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, có quá nhiều bất đồng quan điểm sống từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị N đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (Nay là thị xã Nghi Sơn) giải quyết ly hôn vào năm 2005, nhưng sau đó anh chị không giải quyết nữa. Chị N đã rút yêu cầu và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Từ đó đến nay, anh chị cũng sống ly thân nhau, không còn liên lạc hay quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

* Tại bản tự khai, chị Lê Thị N trình bày:

Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2002. Tuy nhiên anh chị đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, có quá nhiều bất đồng quan điểm sống từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Năm 2005, chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (Nay là thị xã Nghi Sơn) giải quyết cho ly hôn, nhưng sau đó chị đã rút yêu cầu và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Còn chị vào Nam làm ăn sinh sống. Từ đó đến nay, anh chị sống ly thân nhau, không còn liên lạc hay quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng hoàn toàn không còn nên nếu anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng hoàn toàn nhất trí.

2. Về con chung:

Anh T và chị N đều trình bày không có con chung.

3. Về tài sản: Cả anh T và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án -

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận anh Phạm Văn T và chị Lê Thị N là vợ chồng.
- Về con chung: Không có con chung.
- Về tài sản: Hai bên đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.
- Án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án.

Trong vụ án này nguyên đơn anh Phạm Văn T có địa chỉ: Tổ dân phố Thanh Bình, phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa, còn bị đơn là chị Lê Thị N, có địa chỉ: Ấp 6, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Tuy nhiên do điều kiện nơi sinh sống nên ngày 31/01/2023 anh, chị đã có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn giải quyết ly hôn. Việc thỏa thuận nói trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với pháp luật. Căn cứ Điều 40 BLTTDS Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn giải quyết là đúng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, chị Lê Thị N không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên nguyện vọng của mình. Anh Phạm Văn T có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Xác định quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị N là hôn nhân bất hợp pháp. Bởi lẽ, theo lời khai của anh T và chị N thì anh, chị tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (Nay là phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) vào năm 2002. Tuy nhiên anh, chị đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn.

Biên bản xác minh ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn tại Tổ dân phố Đồng Minh, phường Hải Ninh ở phần kết quả xác minh Ông Lê Minh T – Tổ trưởng tổ dân phố Đồng Minh cho biết: Vào khoảng năm 2002 anh Phạm Văn T và chị Lê Thị N có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau tại gia đình nhà anh T ở Tổ dân phố Đồng Minh, phường Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia (nay là Tổ dân phố Đồng Minh, phường Hải Ninh, thị xã Nghi Sơn). Tuy nhiên

do không hạnh phúc nên chỉ được khoảng 3 đến 4 tháng thì anh, chị mỗi người một nơi. Anh chị không có con chung. Chị N bỏ vào Nam làm ăn sinh sống cho đến nay, còn anh T sống tại địa phương.

Biên bản xác minh ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn tại UBND phường Hải Ninh, bà Lê Thị Thuý H - Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường Hải Ninh cho biết: Căn cứ hồ sơ lưu trữ của UBND phường Hải Ninh, sổ ĐKKH còn lưu từ năm 1996 đến nay không có thông tin đăng ký kết hôn của anh Phạm Văn T và chị Lê Thị N .

Do đó cho đến thời điểm xét xử, không có tài liệu nào chứng minh việc anh Phạm Văn T và chị Lê Thị N có đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống cả hai đều thừa nhận sau khi cưới vợ chồng chỉ sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tin tưởng nhau, có quá nhiều bất đồng quan điểm sống từ đó dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nên trong cuộc sống của vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Năm 2005 do không thể chịu đựng được nên chị N đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia (Nay là thị xã Nghi Sơn) giải quyết cho ly hôn, nhưng sau đó chị đã rút đơn và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Chị N vào Nam làm ăn sinh sống, còn anh T thì ở nhà. Nhưng từ đó đến nay, anh, chị sống ly thân nhau, không còn liên lạc hay quan tâm, chăm sóc nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay cả anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Từ những căn cứ trên, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 9 Luật HNGĐ và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình, không công nhận anh T và chị N là vợ chồng.

[3] Về con chung: Cả anh T và chị N đều thống nhất không có con chung, nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Cả anh T và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Trong vụ án này, anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 51, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II Danh mục án phí, lệ phí

Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- **Về hôn nhân:** Không công nhận anh Phạm Văn T và chị Lê Thị N là vợ chồng.

- **Về con chung:** Anh T và chị N thống nhất không có con chung.

- **Về tài sản:** Anh T và chị N thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Án phí:** Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012448 ngày 08/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Anh T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh T, vắng mặt chị N tại phiên tòa. Tuyên bố anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thế Kỳ

Lê Thế Hải

Lê Thị Hạnh